

Số: 588 /QĐ-UBND

Đức Cơ, ngày 20 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang,
huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị Quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị Quyết số 133/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 3 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đức Cơ về việc xem xét cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2022;

Căn cứ Công Văn số 06/TĐ-SXD ngày 07/03/2023 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le2, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 13/TTr-KTHT ngày 15/3/2023 về việc phê duyệt dự án công trình: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; Kèm theo Thông báo kết quả thẩm định số 10/TĐ-KTHT ngày 14/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đức Cơ.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư: Bố trí ổn định, định canh định cư cho 105 hộ đồng bào dân tộc thiểu số là người địa phương chưa có nhà ở kiên cố. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, giải quyết việc làm cho người dân, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đảm bảo mục tiêu, chủ trương và định hướng phát triển của địa phương.

4.2 Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng hạ tầng cho 105 hộ đồng bào dân tộc thiểu số làng Le 2, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ trong khu quy hoạch với tổng diện tích 7,58ha; Dự án nhóm C; công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp (năng lượng) cấp IV và dân dụng cấp III. Quy mô đầu tư dự án với các thông số chủ yếu như sau:

4.2.1. San nền: Diện tích phần san nền khoảng 5,6ha, trên cơ sở cốt quy hoạch được duyệt, thiết kế san nền cơ bản phù hợp địa hình tự nhiên, phù hợp với cốt đường giao thông và giảm khối lượng đào đắp và đảm bảo thoát nước mặt, phù hợp với địa hình. Độ chặt san nền hoàn thiện $K \geq 0,85$.

4.2.2. Giao thông: Các tuyến đường (gồm tuyến đường nối từ đường liên xã vào khu quy hoạch và 07 tuyến đường trong khu quy hoạch) được thiết kế với quy mô đường giao thông nông thôn cấp A (theo TCVN 10380-2014), kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa. Tổng chiều dài các tuyến đường 1,93Km, quy mô cụ thể như sau:

a. Nền, mặt đường:

- Nền đường: Nền đường rộng 11,5m, nền đường sau khi hoàn thiện đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

- Mặt đường: Mặt đường rộng 6,0m (bao gồm đan rãnh), kết cấu mặt đường từ trên xuống như sau: Láng nhựa 03 lớp TCN 4,5Kg/m²; đá dăm tiêu

chuẩn dày 15cm; lu xử lý khuôn đường đạt $K \geq 0,98$ dày 30cm.

b. Bó vỉa, đan rãnh: Bó vỉa, đan rãnh bằng bê tông đá 1x2 mác 200 đổ tại chỗ.

c. Vĩa hè: Vĩa hè rộng mỗi bên 2,75m gồm: Bó vỉa rộng 0,35m, mương xây dọc rộng 1,0m, phần còn lại 1,4m được đắp bằng đất cấp 3, lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$.

d. Công trình thoát nước:

- Thoát nước dọc: Bố trí mương xây đầy đan kích thước (50xH)cm dọc hai bên các tuyến đường.

- Thoát nước ngang: Công thoát nước ngang bằng bê tông cốt thép, tổng các tuyến đường bố trí 12 cái/157,25m công qua đường các loại.

e. An toàn và tổ chức giao thông: Bố trí biển báo trên các tuyến đường theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT

4.2.3. Dân dụng:

a. Nhà học mẫu giáo: Công trình 01 tầng; DTXD 115m²; chiều cao nền 0,6m so với sân bê tông; trần cao 3,6m, chiều cao đỉnh mái 7,05m (so với cốt $\pm 0,00$). Quy cách xây dựng: Kết cấu móng, cột, giằng, dầm, sàn BTCT; móng bao xây đá chẻ; tường xây gạch bê tông, nền nhà lát gạch ceramic; bậc cấp lát đá granite; cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính; nhà vệ sinh; mái lợp tôn trên xà gỗ thép; hoàn thiện trát VXM, sơn nước. Hệ thống kỹ thuật công trình.

b. Các hạng mục phụ: Cổng, hàng rào; Sân bê tông.

4.2.4. Hệ thống nước sinh hoạt:

a. Phần cấp nước:

- Nguồn cấp nước từ 2 giếng khoan, lưu lượng dự kiến 1,2-1,22 lít/s. Đặt 2 máy bơm chìm 3 pha 5,5HP mỗi giếng, nguồn cấp điện từ hệ thống cấp điện của làng.

- Đài nước bằng hệ khung giằng kết cấu thép hình, móng BTCT, chiều cao đài nước 16m, bồn nước inox 20m³.

- Mạng đường ống cấp nước bằng ống HDPE; hố van mạng ống (xả cặn, điều chỉnh). Lắp đặt 106 cụm đồng hồ (1 cụm lắp cho trường mẫu giáo).

- Khu xử lý nước: Đặt hệ thống lọc nước công suất 10 m³/h đảm bảo xử lý nước đầu ra đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt. Công trình phụ trợ gồm: Cổng, hàng rào; mái che.

4.2.5. Hệ thống điện sinh hoạt:

a. Quy mô đầu tư:

- Xây dựng mới 373m đường dây trung áp 22kV.
- Xây dựng mới 01 trạm biến áp 3P-160kVA, 22/0,4kV.
- Xây dựng mới 1.223m đường dây hạ áp 0,4kV.
- Thu hồi cột điện số 475TC.ĐCO/231 hiện trạng.

b. Giải pháp thiết kế:

- Đường dây trung áp 22kV.
- + Chiều dài: 373m.
- + Loại dây dẫn: AS/XLPE 24kV-70mm.
- + Cấp điện áp: 22kV.
- + Bảo vệ và đóng cắt đường dây: 03 bộ cầu chì tự rơi LBFCO 24kV-100A
- + Xà: Gia công từ thép hình mạ kẽm nhúng nóng bề dày $\geq 80\mu\text{m}$.
- + Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm loại 14m.
- + Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép loại MT1-TA, MT2-TA.
- + Cách điện: Sử dụng cách điện theo cấp điện áp 22kV.
- + Tiếp địa: Sử dụng loại RC-6 ($R_{nd} < 30\Omega$).
- + Phụ kiện: Sử dụng cụm đầu rẽ dây bọc loại 2 kẹp răng và kẹp rẽ nhánh trung thế để đầu nổi lên lưới điện hiện có.
- Trạm biến áp.
- + Số lượng: 01 trạm Công suất: 3P-160kVA.
- + Cấp điện áp: 22/0,4kV.
- + Kết cấu: Lắp trên cột đội bê tông ly tâm loại 14m.
- + FCO: 03 bộ LBFCO 24kV-100A.
- + Chống sét van 18kV: 03 bộ, Chống sét van 0,4kV: 03 bộ.
- + Dây chảy: 6K.
- + Tủ tụ bù công suất 80kVAr.
- + Xà: Được gia công từ thép mạ kẽm nhúng nóng bề dày $\geq 80\mu\text{m}$.
- + Tiếp địa: Sử dụng tiếp địa RC-30 ($R_{nd} < 4\Omega$).
- + Áptômát tổng: 250A-600V.
- Đường dây hạ áp 0,4kV.
- + Chiều dài: 1.223m.

- + Cấp điện áp: 0,4kV.
- + Cột: Sử dụng cột bê tông ly tâm loại 10m.
- + Móng cột: Sử dụng móng bê tông cốt thép loại MT1-HA, MT2-HA.
- + Tiếp địa: Sử dụng tiếp địa loại RC-4 (yêu cầu $R_{nd} < 40\Omega$).
- + Dây: Sử dụng dây LV-ABC 4x95 mm².
- + Phụ kiện: Sử dụng phụ kiện hạ áp (kẹp ngưng, kẹp treo, kẹp răng,...).

5. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:
 Liên doanh Công ty Cổ phần Quang Minh Phát – Gia Lai; Công ty TNHH Tư vấn – Xây dựng – Thương mại Đại Nguyên Gia Lai và Công ty Cổ phần Tư vấn – Đầu tư xây dựng Hoàng Phúc.

6. Địa điểm xây dựng dự án và diện tích đất sử dụng :

6.1. Địa điểm xây dựng dự án: Xã Ia Lang, huyện Đức Cơ.

6.2. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 7,58ha.

7. Nhóm dự án; Loại, cấp công trình:

7.1. Nhóm dự án: Dự án nhóm C.

7.2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp (năng lượng) cấp IV và dân dụng cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.2.1. Khảo sát:

- TCVN 941:2012 Tiêu chuẩn Kỹ thuật đo và xử lý dữ liệu đo GPS trong Trắc địa công trình.

- TCCS 31:2020/TCĐBVN Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát.

- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình.

- TCVN 9437:2012 Khoan thăm dò địa chất công trình.

- TCVN 4419:1987 Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp lý quy định hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình.

8.2.2. Thiết kế:

a. Phần công trình giao thông:

- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế.

- Quyết định số 4927/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Bộ GTVT.



- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 104:2007 Tiêu chuẩn thiết kế đường đô thị (tham khảo).
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế (tham khảo).
- TCVN 9845:2013 Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ.
- TCVN 7957:2008 Thoát nước-Mạng lưới và công trình bên ngoài-TC thiết kế.
- QCVN 41:2019/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- Các định hình thiết kế công.
- QCVN 01:2018/BXD. Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch xây dựng.
- TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu.
- TCXDVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và BT cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế.
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp lý quy định hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình.

b. Phần công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật:

- TCVN 8793:2011 Trường tiểu học – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 2737:1995 Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- TCVN 9385:2012 Chống sét cho các công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- TCVN 5576:1991 Hệ thống cấp và thoát nước – Quy phạm quản lý kỹ thuật.
- TCVN 4086:1985 An toàn điện trong xây dựng – Yêu cầu chung.
- TCVN 5308:91 Tiêu chuẩn Quy phạm kỹ thuật an toàn trong Xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số: 256/BXD/KHKT ngày 31/12/90 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- TCXDVN 276:2003 Công trình công cộng – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

c. Phần nước sinh hoạt:

- Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam số 33/2006 “Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế được Bộ xây dựng ban hành theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BXD ngày 17/3/2006.

- Áp lực làm việc tối đa của mạng ống: 6Kg/cm².
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp lý quy định hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình.

d. Phần cấp điện và điện chiếu sáng:

- 11TCN 18:2006 Quy phạm trang bị điện – Phần 1: Hệ thống đường dây dẫn điện.
- 11TCN 18:2006 Quy phạm trang bị điện – Phần 2: Qui định chung.
- TCVN 4086:1985 Quy phạm an toàn lưới điện trong xây dựng.
- TCVN 4756:1989 Quy phạm nối đất và nối không các thiết bị điện.
- TCVN 5847:2016 Cột điện bê tông cốt thép ly tâm.
- TCVN 7114-1:2008 Chiếu sáng nơi làm việc. Phần 1: Trong nhà.
- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- TCVN 2103:1994 Dây điện bọc nhựa PVC.
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật và các văn bản pháp lý quy định hiện hành khác có liên quan đến xây dựng công trình.

9. Tổng mức đầu tư: 31.087.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn)

Trong đó:	- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư	8.120.000.000 đ
	- Chi phí xây dựng:	17.884.690.000 đ
	- Chi phí thiết bị:	741.387.000 đ
	- Chi phí quản lý dự án:	471.929.000 đ
	- Chi phí tư vấn xây dựng:	1.410.231.000 đ
	- Chi phí khác:	260.974.000 đ
	- Chi phí dự phòng:	2.197.789.000 đ

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022-2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

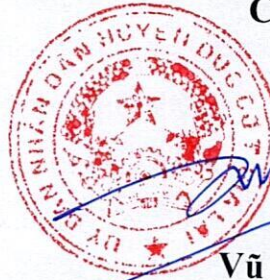
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng; Chủ tịch UBND xã Ia Lang; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu VT-VP.



CHỦ TỊCH

Vũ Mạnh Định